

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Hoàng Việt
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức- kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Danh Thị Thùy T, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: số 149/44 Hùng Vương, Phường C, Thành phố S, tỉnh T.

Nơi cư trú: 307 Lô I Chung cư Đào Duy Từ, Phường A, Quận B, Tp. H.

2. Bị đơn: Ông Dư Tấn T, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: số 149/44 Hùng Vương, Phường C, Thành phố S, tỉnh T.

Nơi cư trú: 307 Lô I Chung cư Đào Duy Từ, Phường A, Quận B, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải, nguyên đơn- bà Danh Thị Thùy T trình bày: Bà và ông Dư Tấn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/TPP6; quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/3/2010).

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay, thường xuyên gây gổ, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và không thể dung hòa với nhau được dẫn đến cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và học hành của các con. Vợ chồng bà ly thân không còn chung sống, quan hệ vợ chồng từ tháng 02 năm 2021 đến nay, vợ chồng bà đã rất cố

gắng nhưng đời sống hôn nhân không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được, vì vậy bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông T.

-Về con chung: Có 03 con chung, tên Dư Hoàng V, sinh ngày: 16/3/2007; Dư Hoàng Q, sinh ngày 06/11/2008; Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014. Bà yêu cầu là người trực tiếp nuôi 03 con.

-Về cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà bán hàng lương thực, thực phẩm qua mạng, thu nhập mỗi tháng là 15.000.000 đồng.

2.Bị đơn- ông Dư Tấn T tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: Ông xác nhận quá trình vợ chồng kết hôn, chung sống, mâu thuẫn đúng như bà T trình bày, vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau, do nhiều nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống và do vợ ông ngoại tình nhưng ông không có bằng chứng để chứng minh vợ ngoại tình để nộp cho Tòa án. Vợ chồng ông ly thân không còn chung sống, quan hệ vợ chồng từ tháng 02 năm 2021 đến nay mặc dù ở chung nhà nhưng phần ai nấy sống, nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì ông đang phân vân các con còn nhỏ ly hôn thì các con khổ và cho ông thêm thời gian để vợ chồng suy nghĩ lại hàn gắn giải quyết mâu thuẫn. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014. Ông làm nghề môi giới bất động sản nên thu nhập mỗi tháng là 15.000.000 đồng.

-Về con chung: Có 03 con chung, tên Dư Hoàng V, sinh ngày: 16/3/2007; Dư Hoàng Q, sinh ngày 06/11/2008; Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014.

-Về cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà T trình bày : Bà vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại các biên bản hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được vì vậy nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Theo nguyện vọng của con Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014 muốn ở với cha nên hôm nay bà thay đổi yêu cầu là trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con tên Dư Hoàng V, sinh ngày: 16/3/2007; Dư Hoàng Q, sinh ngày 06/11/2008. Giao con chung Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- ông Dư Tấn T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt phiên tòa hôm nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày

hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân, không còn chung sống đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Giao con chung Dư Hoàng V, sinh ngày 16/3/2007 và Dư Hoàng Q, sinh ngày 06/11/2008 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung tên Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27/TPP6; quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 6, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/3/2010 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay bà T yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn - ông T hiện đang cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, Tòa án triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Căn cứ lời khai của bà T tại các Biên bản hòa giải cùng lời trình bày tại phiên tòa bà xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay, thường xuyên gây gổ, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và không thể dung hòa với nhau được dẫn đến cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và học hành của các con. Vợ chồng bà ly thân không còn chung sống đã lâu.

Xét tại bản tự khai và Biên bản hòa giải của ông T, ông xác nhận vợ chồng mâu thuẫn đúng như bà T trình bày, vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau do nhiều nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ông ly thân không còn chung sống, quan hệ vợ chồng từ tháng 02 năm 2021 đến nay mặc dù ở chung nhà nhưng phân ai nấy sống, nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì ông đang phân vân các con còn nhỏ ly hôn thì các con khổ.

Xét yêu cầu ông T không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ ly hôn thì các con khổ; yêu cầu này của ông T không phù hợp với quy định pháp luật nên không có cơ sở để xem xét.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn, giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn chung sống đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được do đó, yêu cầu ly hôn của bà T đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà T : Thu nhập của bà T là mỗi tháng 15.000.000 đồng; với mức thu nhập nêu trên bà T có điều kiện về vật chất để chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của trẻ Vinh và Quân và theo lời trình bày nguyện vọng của trẻ Vinh và Quân thì trẻ có nguyện vọng ở với mẹ. Đồng thời tại Biên bản hòa giải ông T trình bày: “Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014”

Xét lời trình bày của ông T thu nhập của ông mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng; với mức thu nhập nêu trên ông T có điều kiện về vật chất để chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của trẻ Khánh; đồng thời theo lời trình bày nguyện vọng của trẻ Khánh thì trẻ có nguyện vọng ở với cha; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao con chung tên Dư Hoàng V và Dư Hoàng Q cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Dư Quốc K cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117, 118 và điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Danh Thị Thùy T.

-Về quan hệ vợ chồng: Bà Danh Thị Thùy T được ly hôn ông Dư Tấn T.

- Về con chung: Giao con chung Dư Hoàng V, sinh ngày: 16/3/2007 và Dư Hoàng Q, sinh ngày 06/11/2008 cho bà Danh Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung tên Dư Quốc K, sinh ngày 23/9/2014 cho ông Dư Tấn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà Danh Thị Thùy T và ông Dư Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Danh Thị Thùy T và ông Dư Tấn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Bà Danh Thị Thùy T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0018143 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo : Bà Danh Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án ; ông Dư Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú